

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	900,000
ABN62c	60A	30	990,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,160,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,150,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	5,200,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	860,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	960,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,580,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	2,450,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	104,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	150,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	1,030,000
ABN63c	60A	18	1,180,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,370,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	2,600,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	6,500,000
ABN803c	500-630A	45	12,460,000
ABN803c	700-800A	45	14,100,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	1,010,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,130,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,850,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	3,030,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	6,970,000
ABS803c	500-630A	75	14,600,000
ABS803c	700-800A	75	15,690,000
ABS1003b	1000A	65	30,500,000
ABS1203b	1200A	65	32,600,000
TS1000N 3P	1000A	50	46,800,000
TS1250N 3P	1250A	50	48,900,000
TS1600N 3P	1600A	50	58,800,000
TS1000H 3P	1000A	70	48,800,000
TS1250H 3P	1250A	70	52,000,000
TS1600H 3P	1600A	70	62,000,000
TS1000L 3P	1000A	150	68,000,000

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,360,000
ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,660,000
ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	3,120,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	7,460,000
ABN804c	500-630A	45	14,000,000
ABN804c	700-800A	45	16,440,000
ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,410,000
ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,140,000
ABS204c	150,175,200,225,250A	42	3,560,000
ABS404c	250-300-350-400A	65	8,600,000
ABS804c	500-630A	75	18,000,000
ABS804c	700-800A	75	20,400,000
ABS1004b	1000A	65	35,000,000
ABS1204b	1200A	65	38,300,000
TS1000N 4P	1000A	50	57,000,000
TS1250N 4P	1250A	50	60,000,000
TS1600N 4P	1600A	50	72,000,000
TS1000H 4P	1000A	70	62,000,000
TS1250H 4P	1250A	70	70,000,000
TS1600H 4P	1600A	70	87,000,000
Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
32GRc	15-20-30A	1.5	410,000
32GRhS	15-20-30A	2.5	410,000
32KGRd	15-20-30A	2.5	410,000
EBS52Fb	40-50A	5	690,000
EBE102Fb	60-75-100A	5	1,250,000
EBN52c	15-20-30-40-50A	30	1,650,000
EBN102c	60-75-100A	35	2,260,000
Cầu dao điện ELCB 3 pha loại khối chống rò điện			
EBN53c	15,20,30,40,50A	14	2,060,000
EBN103c	60,75,100A	18	2,700,000
EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	5,960,000
EBN403c	250,300,350,400A	37	10,700,000
EBN803c	500,630A	37	20,400,000
EBN803c	800A	37	26,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCCB 3 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS103c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,270,000
ABS203c FMU	100,125,160,200,250A	37	3,480,000
MCCB 4 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS104c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,670,000
ABS204c FMU	100,125,160,200,250A	37	4,340,000
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)			
Cuộn đóng ngắt Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN100c~ABH250c	840,000	
	SHT for ABN403c~803c	1,010,000	
	SHT for ABS1003b~1204b	1,740,000	
	SHT for TS1000~1600	1,440,000	
Cuộn bảo vệ thấp áp Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN100c~ABH250c	1,050,000	
	UVT for ABN403c~803c	1,250,000	
	UVT for ABS1003b~1204b	1,640,000	
	UVT for TS1000~1600	1,740,000	
Tiếp điểm phụ Auxiliary switch (AX)	AX for ABN100c~ABH250c	330,000	
	AX for ABN403c~803c	500,000	
	AX for ABS1003b~1204b	520,000	
	AX for TS1000~1600	430,000	
Tiếp điểm cảnh báo Alarm switch (AL)	AL for ABN100c~ABH250c	330,000	
	AL for ABN403c~803c	500,000	
	AL for ABS1003b~1204b	520,000	
	AL for TS1000~1600	430,000	
AL và AX	AL/AX for ABN100c~ABH250c	700,000	
Tấm chắn pha: Insulation barrier	IB-13 for ABN52~103c	10,000	
	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c	20,000	
	B-43B for ABN/S403c	34,000	
	Barrier insulation for ABS803c/TS630	38,000	
	Barrier insulation for ABS1200b	42,000	

Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	3,700,000
EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	37	4,280,000
EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	8,600,000
EBN404c	250,300,350,400A	37	15,100,000
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)			
Tay xoay Handle (DH loại gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c	610,000	
	DH125-S for ABS125c	630,000	
	DH250-S for ABH250c	640,000	
	N~70S for ABN403c	1,300,000	
	N~80S for ABN803c	1,300,000	
(EH loại gắn ngoài)	EH100-S for ABN103c	900,000	
	EH125-S for ABS125c	900,000	
	EH250-S for ABN250c	930,000	
	E-70U for ABN403c	2,000,000	
	E-80U for ABN803c	2,280,000	
Mô tơ điều khiển On/ Off cho MCCB Motor operator (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c	5,660,000	
	MOP M2 for ABS/H103c~104c	6,200,000	
	MOP M3 for ABN/S/H202c~204c	7,700,000	
	MOP M4 for ABN/S/H402c~404c	9,400,000	
	MOP M5 for ABN/S/H802c~804c	11,300,000	
	MOP M6 for ABS1003b~1204b	13,600,000	
Khóa liên động (Mechanical interlock)	MI-13S for ABN53~103c	890,000	
	MI-23S for ABS103c	900,000	
	MI-33S for ABN/S203c	930,000	
	MI-43S for ABN/S403c	1,300,000	
	MI-83S for ABN/S803c	1,500,000	
Thanh cái	Busbar for ABN/S803c	2,700,000	

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCCB loại High-End, Susol Series Icu từ 50KA-150KA, Ics-100% Icu

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,600,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	3,100,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	3,700,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,600,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	3,600,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	4,000,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	5,200,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	6,200,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	8,900,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	12,900,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	16,100,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,800,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	3,450,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	3,850,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,750,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	3,750,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	4,200,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	5,200,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	6,500,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	9,700,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	14,500,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	17,800,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)			
TS160N ATU160 3P	125A	50	4,050,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	4,450,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	5,650,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	6,950,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	10,500,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	15,250,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	19,600,000
PHỤ KIỆN MCCB Susol			
Tên hàng			Giá bán
Shunt release: SHT for TD/TS100->800			820,000
Undervoltage release: UVT for TD/TS100->800			1,300,000
Auxiliary switch: AX for TD/TS100->800			400,000
Alarm switch: AL for TD/TS100->800			400,000
Fault alarm switch: FAL for TD/TS100->800			400,000
Auxiliary switch: AX for TS1000~1600			430,000
Alarm switch: AL for TS1000~1600			430,000
Direct Rotary Handle (tay xoay)			
DH1 for TD100, 160			690,000
DH2 for TS250			740,000
DH3 for TS400, 630			1,360,000
DH4 for TS800			1,900,000
DH5-S TS1000~1600			5,700,000

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	3,050,000
TD160N FTU160 4P	125A	50	3,800,000
TD160N FTU160 4P	160A	50	5,000,000
TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,600,000
TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	4,950,000
TS160N FTU160 4P	160A	50	5,650,000
TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	6,950,000
TS250N FTU250 4P	250A	50	8,250,000
TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	11,450,000
TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	13,950,000
TS800N FTU800 4P	800A	65	20,700,000
FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic			
TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	3,200,000
TD160N FMU160 4P	125A	50	5,000,000
TD160N FMU160 4P	160A	50	5,800,000
TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	4,100,000
TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	5,050,000
TS160N FMU160 4P	160A	50	5,900,000
TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	7,450,000
TS250N FMU250 4P	250A	50	8,700,000
TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	12,300,000
TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	18,500,000
TS800N FMU800 4P	800A	65	23,500,000
ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện từ 13 bước từ 0.4 ->1 x In			
TS100N ETS23 3P	80A	50	4,500,000
TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	5,600,000
TS250N ETS23 3P	250A	50	7,700,000
TS400N ETS33 3P	400A	65	11,800,000
TS630N ETS33 3P	630A	65	18,000,000
TS800N ETS43 3P	800A	65	20,700,000
Busbar (thanh cái)			
Spreader SP33a for TS400-TS630			1,200,000
Spreader SP43 for TS800			2,300,000
Busbar for 3P TS1000/1250/1600N			12,000,000
Motor operator (mô tơ nạp)			
MOP1 for TD100, 160			5,600,000
MOP2 for TS100, 160, 250			7,600,000
MOP3 for TS400, 630			10,300,000
MOP4 for TS800			12,300,000
Extended Rotary Handle (tay xoay)			
EH1 for TD100, 160			1,200,000
EH2 for TS250			1,250,000
EH3 for TS400, 630			2,650,000
EH4 for TS800			2,750,000
EH5-S TS1000~1600			6,500,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT